BÁO CÁO
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU
THÁNG 10 - 2026

TPCP hấp thụ tốt, TPDN hạ nhiệt và phân hóa theo ngành

VikkiBankS - Phòng Phân tích

Nhân viên Phân tích
Trần Ngọc Quỳnh Như Email: nhutnq@vikkibanks.vn

TIÊU ĐIỂM CHÍNH THÁNG 10-2026

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

TPCP HUY ĐỘNG THÁNG 10

69.362 tỷ đồng

173% kế hoạch tháng; -1,1% so với tháng 9

LŨY KẾ TPCP 10 THÁNG

368.422 tỷ đồng

Đạt 92% kế hoạch phát hành năm (theo HNX)

LÃI SUẤT TRÚNG THẦU 10 NĂM

4,43%/năm

5 năm: 4,27%; 3 năm: 3,55%. 5 và 10 năm đi ngang

GTGD THỨ CẤP TPCP BÌNH QUÂN

21.150 tỷ đồng/phiên

+6,84% so với tháng 9; outright chiếm 64,27%

TPDN PHÁT HÀNH MỚI THÁNG 10

46.742 tỷ đồng

-31,7% so với tháng 9; ngân hàng chiếm 75,1%

TPDN MUA LẠI TRƯỚC HẠN

23.990 tỷ đồng

-14,7% so với tháng 9; ngân hàng chiếm 93,5%

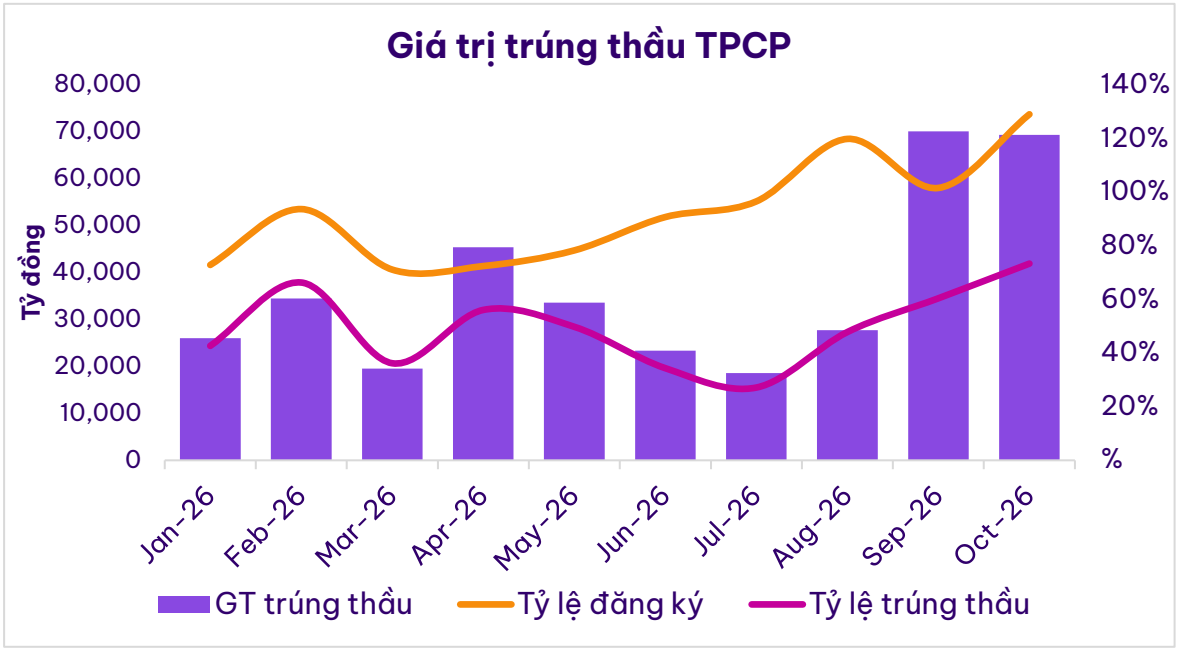
- **TPCP sơ cấp:** KBNN huy động 69.362 tỷ đồng qua 20 phiên, tỷ lệ đăng ký 129% và tỷ lệ trúng thầu 73,4% đều cao nhất từ đầu năm; nguồn cung dồn vào kỳ hạn 5 năm (50,9%) và 10 năm (48,3%).
- **Lợi suất:** lãi suất trúng thầu đi ngang; đường cong bình quân tháng phẳng hơn khi kỳ hạn 1-5 năm tăng 4-7 điểm cơ bản, kỳ hạn 10-15 năm giảm 1,5-6 điểm cơ bản (chênh lệch 10 năm – 1 năm còn khoảng 60 điểm cơ bản).
- **TPCP thứ cấp:** thanh khoản cải thiện (21.150 tỷ đồng/phiên), khối ngoại mua ròng 224 tỷ đồng; quy mô TPCP niêm yết tại HNX đạt 2,89 triệu tỷ đồng.
- **TPDN:** phát hành giảm 31,7% so với tháng 9, riêng bất động sản giảm 68,7% xuống 7.602 tỷ đồng; ngân hàng chiếm 75,1% giá trị phát hành, kênh riêng lẻ chiếm khoảng 96%.
- **Chi phí vốn và đáo hạn:** lãi suất phát hành bình quân ngân hàng 8,52%, bất động sản 11,00% (chênh 2,48 điểm %); áp lực thanh toán của nhóm bất động sản dồn về tháng 12 (khoảng 31.064 tỷ đồng).

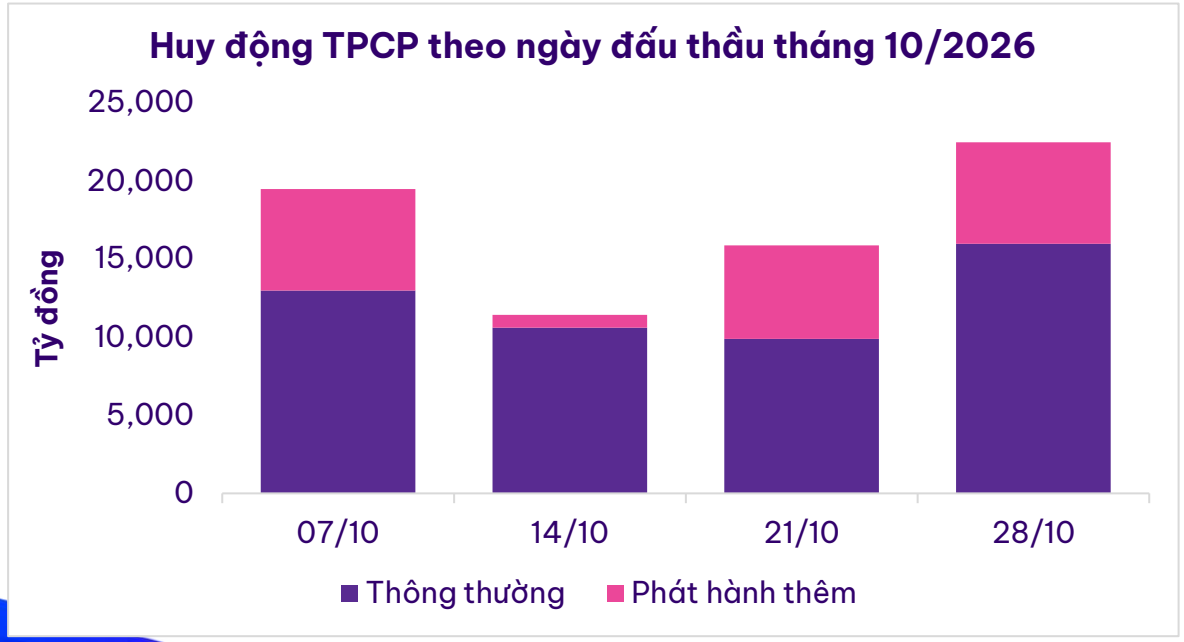
>> Thị trường TPCP đang hấp thụ tốt nguồn cung lớn mà không bị đẩy lãi suất lên; trong khi đó TPDN vẫn phân hóa rõ, dòng vốn tập trung vào ngân hàng và một số tổ chức phát hành lớn, còn bất động sản chịu chi phí vốn cao và áp lực đáo hạn cuối năm.

Nguồn: HNX, FiinX, VikkiBankS Research

TPCP SƠ CẤP: HUY ĐỘNG VƯỢT KẾ HOẠCH, TRÚNG THẦU CAO NHẤT NĂM

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026





❖ **Kết quả đấu thầu:** HNX tổ chức 20 phiên, Kho bạc Nhà nước huy động 69.362 tỷ đồng (khối lượng gọi thầu 94.500 tỷ đồng), bằng 173% kế hoạch tháng và gần ngang tháng 9 (-1,1%). Lũy kế 10 tháng đạt 368.422 tỷ đồng, tương ứng 92% kế hoạch năm.

❖ **Sức cầu:** tổng khối lượng đăng ký bằng 129% khối lượng gọi thầu và tỷ lệ trúng thầu đạt 73,4%, cả hai đều là mức cao nhất từ đầu năm. Ở phần gọi thầu thông thường, hệ số đăng ký/gọi thầu giảm còn 1,13 lần ở phiên 14/10 rồi hồi phục lên 1,43 lần ở phiên 28/10.

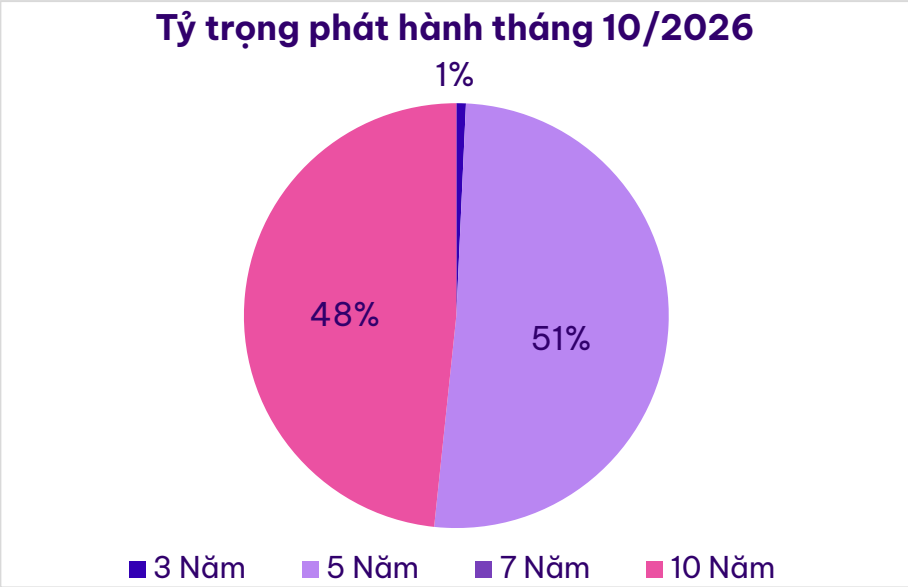
❖ Lãi suất trúng thầu phiên cuối tháng: 3 năm 3,55%, 5 năm 4,27%, 10 năm 4,43%/năm; kỳ hạn 5 và 10 năm không đổi so với phiên cuối tháng 9.

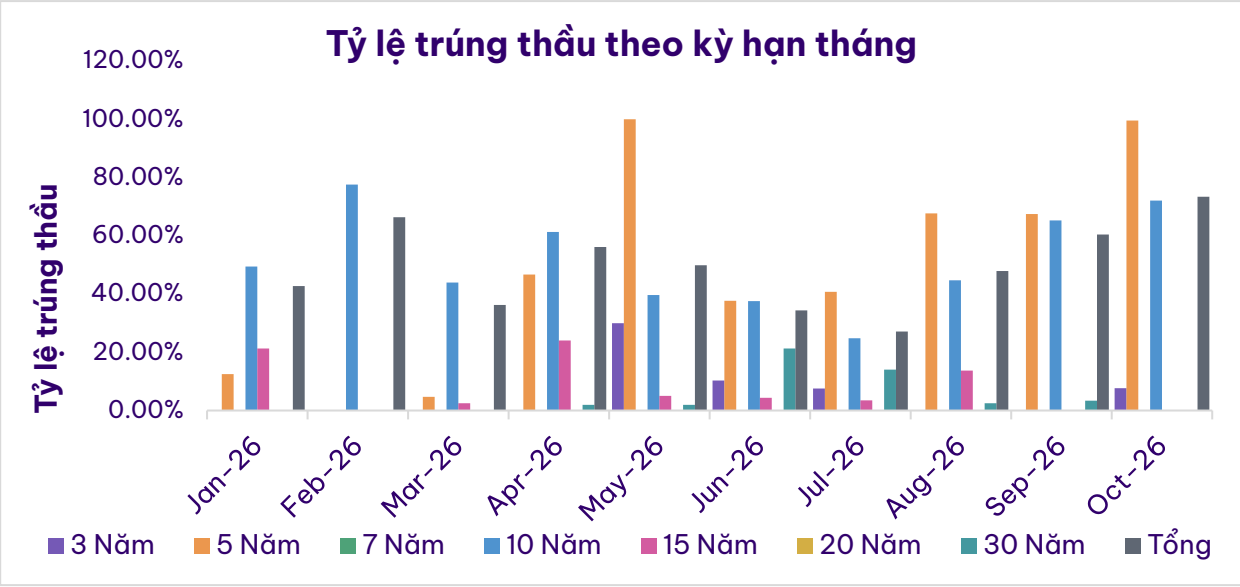
>> Khối lượng huy động lớn nhưng lãi suất trúng thầu không bị đẩy lên cho thấy thị trường đủ sức hấp thụ nguồn cung. Phần kế hoạch năm còn lại chỉ khoảng 8% (xấp xỉ 31,6 nghìn tỷ đồng), nên áp lực nguồn cung TPCP trong hai tháng cuối năm đã giảm đáng kể.

Nguồn: HNX, FiinX, VikkiBankS Research

TPCP SƠ CẤP: NGUỒN CUNG DỒN VÀO KỲ HẠN 5 VÀ 10 NĂM

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026





❖ **Cơ cấu huy động:** kỳ hạn 5 năm 35.339 tỷ đồng (50,9%), 10 năm 33.523 tỷ đồng (48,3%), 3 năm 500 tỷ đồng (0,7%). Các kỳ hạn 15 và 30 năm không huy động được.

❖ **Tỷ lệ trúng thầu theo kỳ hạn:** 5 năm đạt 99,5% (tháng 9: 67,5%); 10 năm 72,1% (tháng 9: 65,3%); 3 năm chỉ 7,7% (gọi 6.500 tỷ đồng, trúng 500 tỷ đồng); 15 và 30 năm là 0% dù gọi lần lượt 4.000 và 2.000 tỷ đồng. Tính chung 2026, tỷ lệ trúng thầu bình quân kỳ hạn 5 năm là 66,1%, 10 năm 54,3%, trong khi 15 năm chỉ 7,7% và 30 năm 5,0%.

>> Cầu tập trung ở kỳ hạn trung hạn 5–10 năm, nên KBNN phải điều chỉnh khối lượng trúng thầu theo cầu (10 năm chỉ trúng 72,1% khối lượng gọi) thay vì chấp nhận lãi suất cao hơn. Kỳ hạn từ 15 năm trở lên tiếp tục là điểm yếu về hấp thụ, cần theo dõi khi tính toán kỳ hạn bình quân của danh mục nợ.

Nguồn: HNX, FiinX, VikkiBankS Research

TPCP SƠ CẤP: PHỤ LỤC

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

Ngày đấu thầu	Tổ chức phát hành	Kỳ hạn	GT gọi thầu (tỷ đồng)	GT đặt thầu (tỷ đồng)	GT trúng thầu (tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu	Lãi suất đăng ký cao nhất	Lãi suất đăng ký thấp nhất	Tỷ lệ đăng ký	Tỷ lệ trúng thầu
28/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	3 Năm	500	500			4,00%	4,00%	100,00%	
28/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	5 Năm	8.000	13.836	8.000	4,27%	4,50%	4,27%	172,95%	100,00%
28/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	10 Năm	8.000	11.350	8.000	4,43%	4,80%	4,43%	141,88%	100,00%
28/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	15 Năm	1.000	100			4,80%	4,80%	10,00%	
28/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	30 Năm	500							
21/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	3 Năm	500	800	300	3,55%	4,00%	3,55%	160,00%	60,00%
21/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	5 Năm	6.000	11.800	6.000	4,27%	4,90%	4,27%	196,67%	100,00%
21/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	10 Năm	9.000	10.200	3.600	4,43%	4,80%	4,43%	113,33%	40,00%
21/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	15 Năm	1.000	150			4,80%	4,57%	15,00%	
21/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	30 Năm	500							
14/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	3 Năm	500	700	200	3,55%	4,00%	3,55%	140,00%	40,00%
14/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	5 Năm	6.000	10.035	6.000	4,27%	4,90%	4,27%	167,25%	100,00%
14/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	10 Năm	9.000	8.463	4.413	4,43%	4,80%	4,43%	94,03%	49,03%
14/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	15 Năm	1.000	100			4,80%	4,80%	10,00%	
14/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	30 Năm	500							
07/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	3 Năm	5.000	500			4,00%	4,00%	10,00%	
07/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	5 Năm	5.000	9.150	5.000	4,27%	4,90%	4,26%	183,00%	100,00%
07/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	10 Năm	8.000	17.600	8.000	4,43%	4,80%	4,42%	220,00%	100,00%
07/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	15 Năm	1.000	150			4,80%	4,58%	15,00%	
07/10/2026	Kho Bạc Nhà Nước	30 Năm	500							

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

LỢI SUẤT TPCP: ĐƯỜNG CONG PHẲNG HƠN, ĐẦU NGẮN NHÍCH TĂNG

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

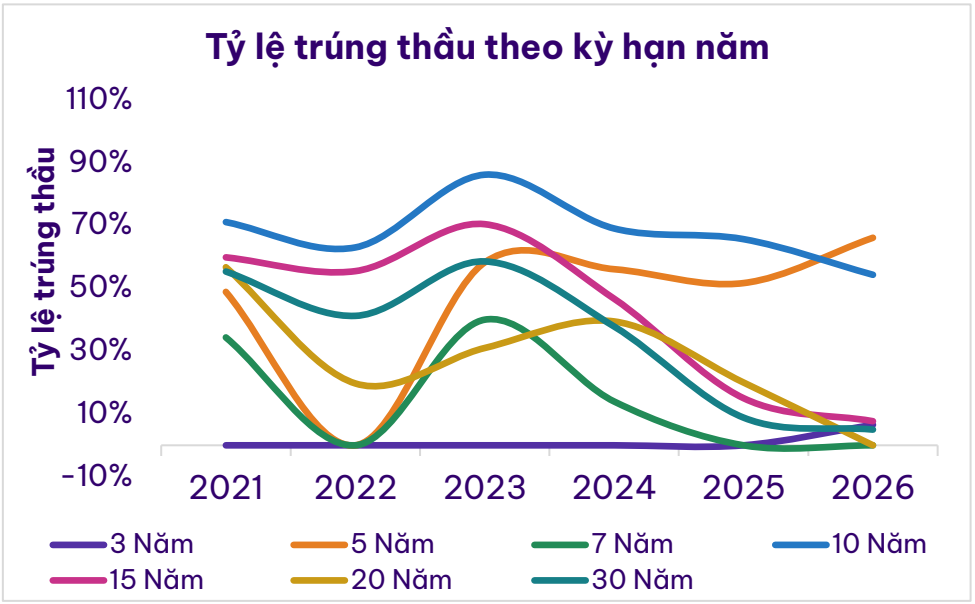
- **Lãi suất trúng thầu đi ngang:** 3 năm 3,55%, 5 năm 4,27%, 10 năm 4,43%/năm; kỳ hạn 5 và 10 năm không đổi so với phiên cuối tháng 9.

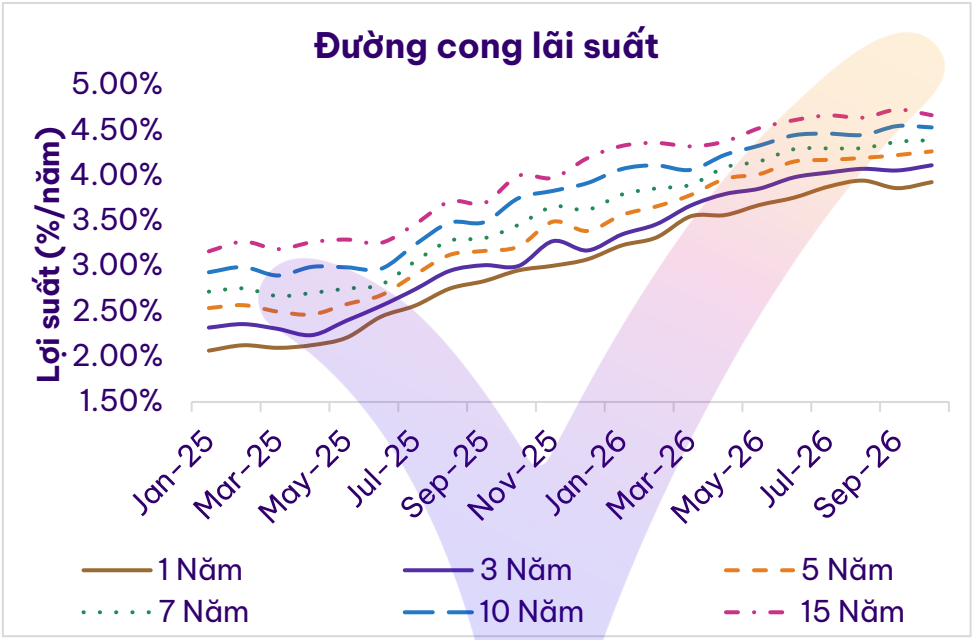
- **Lợi suất bình quân tháng (so với tháng 9):**
  - 1 năm 3,93% (+6,7 điểm cơ bản); 3 năm 4,11% (+5,8); 5 năm 4,27% (+4,1); 7 năm 4,39% (+2,0).
  - 10 năm 4,53% (-1,5); 15 năm 4,67% (-6,2).

- **Độ dốc đường cong:** chênh lệch 10 năm – 1 năm thu hẹp còn 60,4 điểm cơ bản (tháng 9: 68,6). So với cuối năm 2025, lợi suất 1 năm tăng 85,3 điểm cơ bản và 10 năm tăng 61,5 điểm cơ bản.

- **Hấp thụ qua các năm:** tỷ lệ trúng thầu kỳ hạn 10 năm năm 2026 là 54,3% (2025: 65,6%), kỳ hạn 5 năm 66,1% (2025: 51,7%); 15 và 30 năm chỉ 7,7% và 5,0%.
- **Bối cảnh tiền tệ:** lãi suất qua đêm liên ngân hàng biến động mạnh, từ 6,95% (30/9) xuống 0,72% (7/10) theo số liệu NHNN.

>> Lợi suất kỳ hạn ngắn nhích lên do mặt bằng lãi suất liên ngân hàng còn biến động, trong khi lợi suất kỳ hạn dài được giữ ổn định nhờ nguồn cung kỳ hạn 15-30 năm gần như không phát hành. Lợi suất 10 năm quanh 4,5% có thể là vùng cân bằng mới trong ngắn hạn.

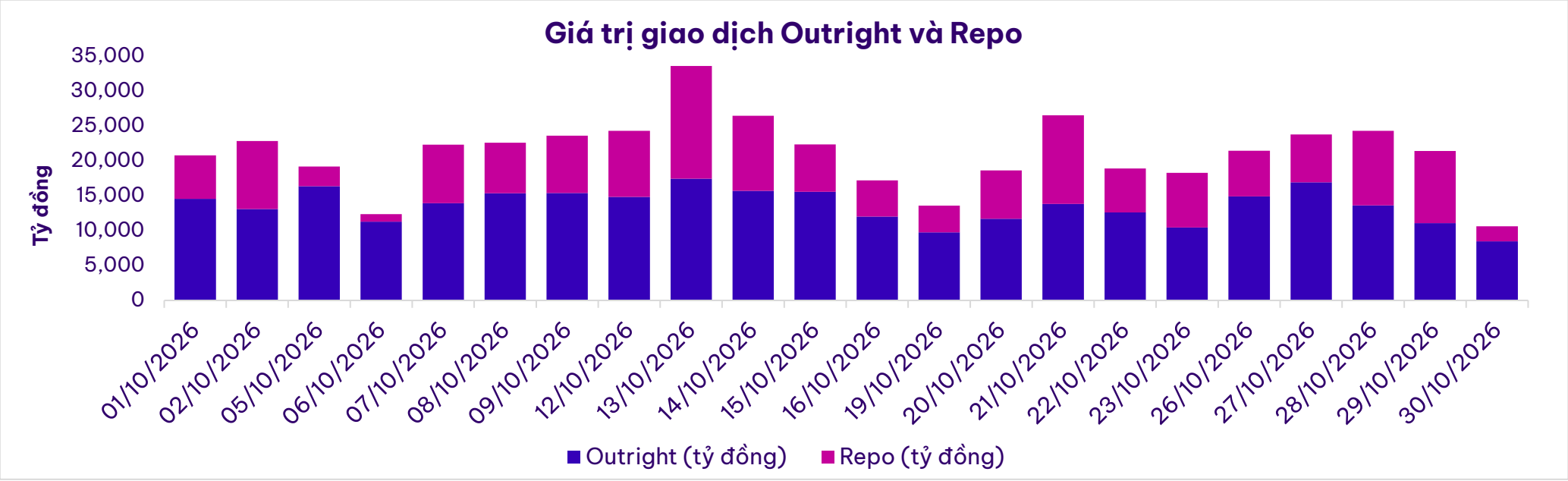




Nguồn: HNX, NHNN, FiinX, VikkiBankS Research

TPCP THỨ CẤP: THANH KHOẢN CẢI THIỆN, OUTRIGHT CHIẾM ƯU THẾ

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026



❖ **Thanh khoản:** giá trị giao dịch bình quân 21.150 tỷ đồng/phiên (+6,84% so với tháng 9); Outright chiếm 64,27% (khoảng 13.594 tỷ đồng/phiên), Repo chiếm 35,73%(khoảng 7.556 tỷ đồng/phiên). TPCP niêm yết tại HNX đạt 2.890.027 tỷ đồng (+2,7%).

❖ **Diễn biến phiên:** giao dịch Outright cao nhất 17.457 tỷ đồng (13/10), thấp nhất 8.479 tỷ đồng (30/10). Repo biến động mạnh hơn, từ 1.065 tỷ đồng (6/10) lên 16.153 tỷ đồng (13/10), phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn thay đổi theo từng phiên.

❖ **Nhà đầu tư nước ngoài:** chiếm 3,75% giá trị giao dịch toàn thị trường, mua ròng 224 tỷ đồng.

>> Thanh khoản thứ cấp cải thiện song hành với khối lượng phát hành sơ cấp lớn, cho thấy thị trường hấp thụ tốt. Tuy vậy, repo và lãi suất qua đêm còn dao động mạnh nên nhà đầu tư cần theo dõi thanh khoản hệ thống ở các phiên cuối tháng.

Nguồn: HNX, Thời báo Tài chính Việt Nam, FiinX, VikkiBankS Research

TPDN SƠ CẤP: PHÁT HÀNH GIẢM 31,7%, BẤT ĐỘNG SẢN THU HẸP MẠNH

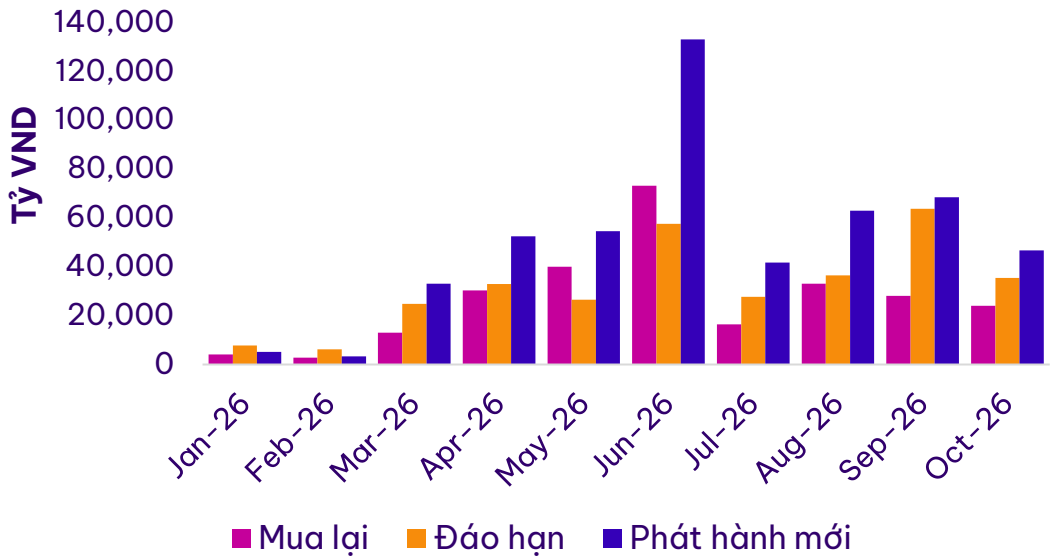
Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

❖ **Quy mô:** Phát hành mới tháng 10 đạt 46.742 tỷ đồng (-31,7% so với tháng 9; thấp hơn 7,5% so với bình quân 9 tháng đầu năm); lũy kế 10 tháng 501.747 tỷ đồng. Mua lại trước hạn 23.990 tỷ đồng (-14,7%), đáo hạn 35.515 tỷ đồng (-44,3%).

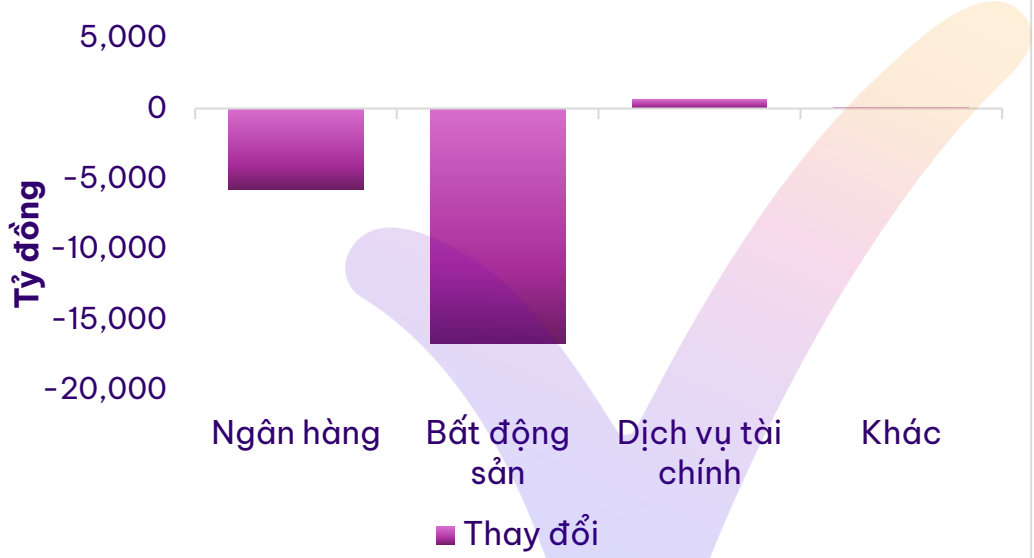
❖ **Cơ cấu ngành:** ngân hàng 35.118 tỷ đồng (75,1%; -14,1% so với tháng 9), bất động sản 7.602 tỷ đồng (16,3%; -68,7%), dịch vụ tài chính 1.602 tỷ đồng (+672 tỷ đồng), ngành khác 2.420 tỷ đồng.

>> Phát hành chậm lại sau hai tháng tăng liên tiếp (tháng 8, tháng 9), chủ yếu do nhóm bất động sản chỉ còn 3 mã phát hành. Ngân hàng vẫn là nguồn cung chính. Lãi suất phát hành của bất động sản vẫn cao, khoảng 11%/năm (trung bình 3 mã), trong khi dòng tiền phải trả tăng lên khoảng 31.000 tỷ đồng trong tháng 12 (tháng 11: khoảng 7.200 tỷ đồng). Vì vậy, doanh nghiệp bất động sản nhiều khả năng vẫn thận trọng khi phát hành.

Giá trị TPDN sơ cấp theo tháng



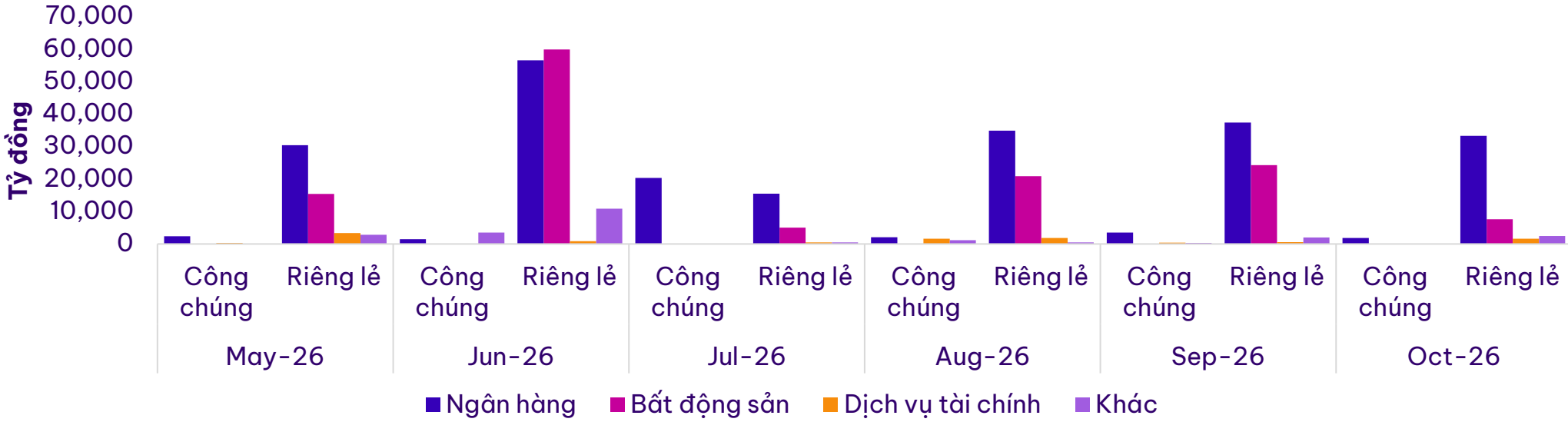
Mức phát hành theo ngành so với tháng 9



Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN SƠ CẤP: KÊNH RIÊNG LẺ CHIẾM ƯU THẾ

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026



- **Cơ cấu kênh phát hành:** tháng 10, phát hành riêng lẻ khoảng 44.893 tỷ đồng (~96%), phát hành ra công chúng 1.849 tỷ đồng (~4%) và toàn bộ đến từ ngân hàng. Thông tư 138/2026/TT-BTC có hiệu lực từ 1/10/2026 quy định rõ trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư trước khi nhập lệnh giao dịch trái phiếu riêng lẻ.
- **Ngân hàng:** riêng lẻ 33.268 tỷ đồng, công chúng 1.849 tỷ đồng; cả hai kênh giảm so với tháng 9 nhưng vẫn chiếm khoảng 75% giá trị phát hành.
- **Bất động sản:** 7.602 tỷ đồng, hoàn toàn qua kênh riêng lẻ; thấp nhất kể từ tháng 7 (5.000 tỷ đồng) và giảm mạnh so với 24.300 tỷ đồng của tháng 9 và đỉnh 59.901 tỷ đồng của tháng 6.
  - Dịch vụ tài chính 1.602 tỷ đồng và nhóm ngành khác 2.420 tỷ đồng đều phát hành riêng lẻ.

>> Thị trường vẫn dựa chủ yếu vào nhà đầu tư chuyên nghiệp qua kênh riêng lẻ, tỷ trọng công chúng rất thấp. Khung pháp lý mới đặt yêu cầu chặt hơn về kiểm soát nhà đầu tư và công bố thông tin, vì vậy cần theo dõi tác động lên quy mô phát hành riêng lẻ, nhất là nhóm bất động sản, trong các tháng tới.

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TT 138/2026: TÁC ĐỘNG NGẮN HẠN ĐẾN THANH KHOẢN NĐT CÁ NHÂN

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

1 BỐI CẢNH

01/10 2026

Thông tư 138/2026/TT-BTC chính thức áp dụng

Nội dung chính

Kiểm soát chặt chẽ tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trước khi khớp lệnh TPDN riêng lẻ.

Ý nghĩa

Lành mạnh hóa thị trường nhưng tạo độ trễ ngắn hạn cho dòng vốn cá nhân; kênh riêng lẻ chiếm khoảng 96% giá trị phát hành tháng 10.

2 TÁC ĐỘNG NGẮN HẠN

Chững lại kỹ thuật

Quá trình rà soát và cập nhật hồ sơ chuẩn mới khiến một bộ phận nhà đầu tư cá nhân tạm gián đoạn giao dịch trong những tuần đầu tháng 10.

Tâm lý thận trọng

Dòng tiền lướt sóng ngắn hạn chậm lại; nhà đầu tư có xu hướng thu hẹp danh mục, tập trung vào các mã có tài sản đảm bảo tốt hoặc định chế lớn.

Sàng lọc chất lượng

Dù làm giảm nhẹ thanh khoản tức thời, quy định mới giúp loại bỏ rủi ro pháp lý, hướng dòng tiền cá nhân vào chất lượng thực chất hơn về dài hạn.

3 ĐỊNH HƯỚNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Đối với công ty chứng khoán

Cần tối ưu quy trình xác thực tự động để hỗ trợ nhà đầu tư hoàn tất thủ tục nhanh chóng, tránh nghẽn giao dịch.

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Chủ động chuẩn hóa tư cách chuyên nghiệp; đồng thời đánh giá kỹ năng lực trả nợ của tổ chức phát hành (đặc biệt trước áp lực đáo hạn dồn mạnh vào tháng 12), thay vì chỉ chạy theo lợi suất.

ÁP LỰC ĐÁO HẠN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

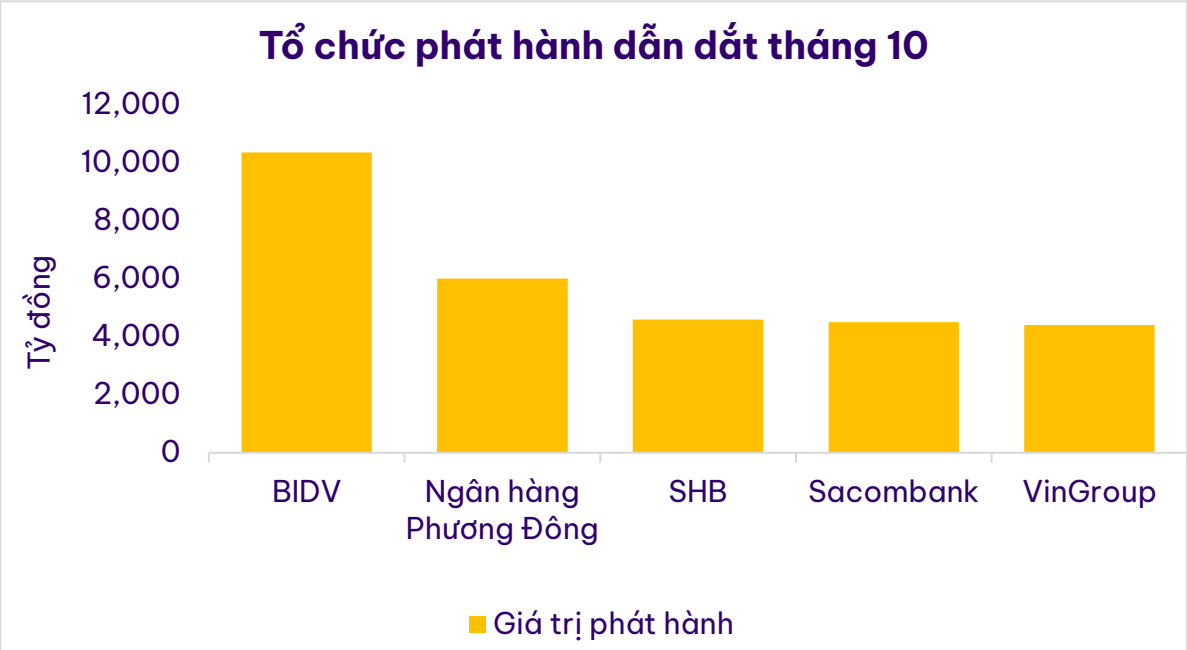
THÁNG 12/2026

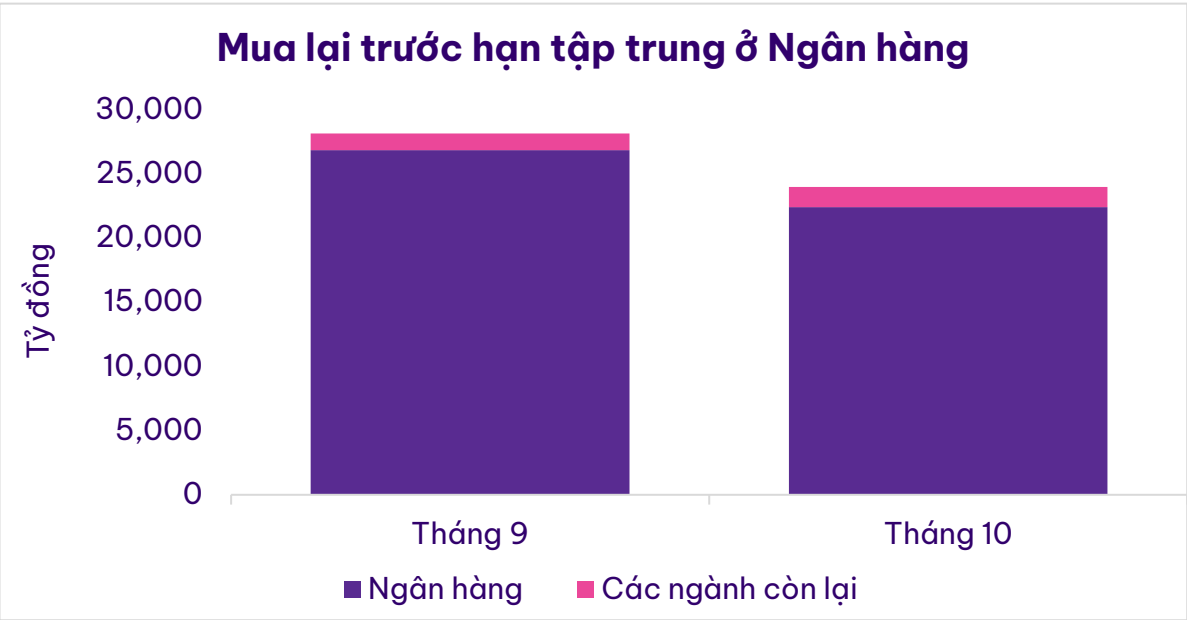
>> Thông tư 138 siết xác thực nhà đầu tư TPDN riêng lẻ, gây độ trễ ngắn hạn nhưng hướng dòng vốn cá nhân vào tổ chức phát hành chất lượng; cần theo dõi tác động lên quy mô phát hành riêng lẻ, nhất là nhóm bất động sản, trong các tháng tới.

Nguồn: Bộ Tài chính, VikkiBankS Research

TPDN: NGÂN HÀNG DẪN DẮT PHÁT HÀNH VÀ MUA LẠI

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026





- **Top 5 tổ chức phát hành** chiếm 29.840 tỷ đồng (63,8% tổng phát hành; tháng 9: 56,2%), trong đó BIDV dẫn đầu với 10.345 tỷ đồng. VinGroup là doanh nghiệp phi ngân hàng duy nhất trong nhóm.

- **Mua lại trước hạn:** 23.990 tỷ đồng (-14,7%), trong đó ngân hàng 22.423 tỷ đồng (93,5%; tháng 9: 95,4%), bất động sản 1.132 tỷ đồng (gấp 6,7 lần tháng 9), nhóm khác 435 tỷ đồng.
  - Quy mô phát hành mới gấp khoảng 1,95 lần giá trị mua lại trước hạn.

>> Cả phát hành mới lẫn mua lại trước hạn đều do ngân hàng dẫn dắt, nên diễn biến thị trường TPDN phụ thuộc nhiều vào nhu cầu vốn trung dài hạn của hệ thống ngân hàng. Năm tổ chức lớn nhất chiếm gần 64% giá trị phát hành, cho thấy phát hành đang tập trung hơn vào một số ít tổ chức lớn.

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN: CHI PHÍ VỐN BĐS CAO HƠN NGÂN HÀNG KHOẢNG 2,5 ĐIỂM %

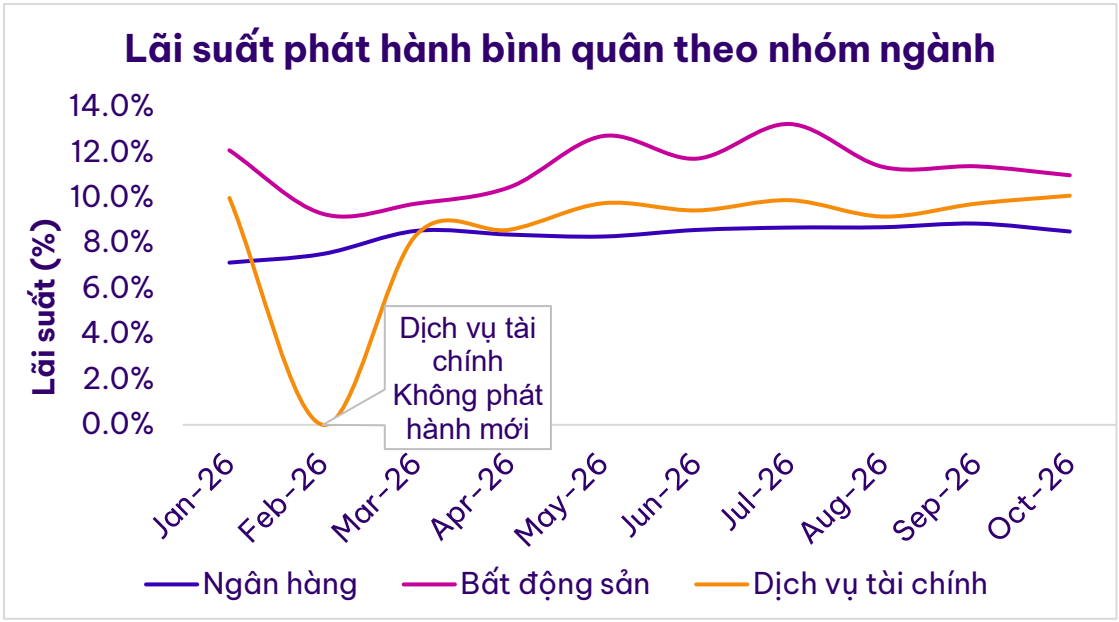
Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

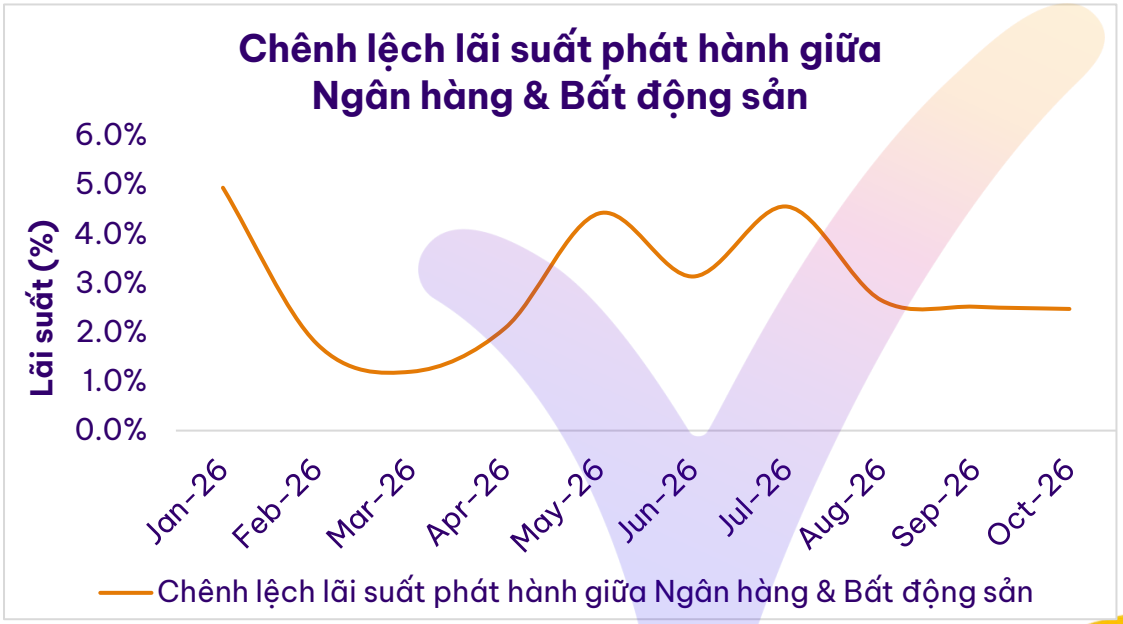
- **Lãi suất phát hành bình quân tháng 10:** ngân hàng 8,52%/năm (tháng 9: 8,87%), bất động sản 11,00%/năm (tháng 9: 11,39%). Bất động sản chỉ có 3 mã phát hành trong tháng, lãi suất từ 8% đến 12,5%.

- **Chênh lệch bất động sản – ngân hàng:** 2,48 điểm % (tháng 9: 2,52 điểm %), thấp hơn bình quân 10 tháng (khoảng 3 điểm %) và mức 4,95 điểm % của tháng 1. Nếu bình quân theo giá trị phát hành, chênh lệch chỉ khoảng 1,9 điểm % (ngân hàng 8,02%, bất động sản 9,89%).

- **Xu hướng 10 tháng:** lãi suất ngân hàng tăng từ 7,15% (tháng 1) lên vùng 8,3–8,9%; lãi suất bất động sản dao động 9,3–13,3%, cao nhất 13,26% ở tháng 7.
  - So với đầu năm, lãi suất phát hành của ngân hàng cao hơn 137 điểm cơ bản; trong tháng 10 cả ngân hàng và bất động sản đều giảm nhẹ (-35 và -39 điểm cơ bản).

>> Mức chênh khoảng 1,9–2,5 điểm % cho thấy nhà đầu tư vẫn đòi hỏi phần bù rủi ro với bất động sản, tuy nhiên tháng 10, nhóm này chỉ có 3 mã phát hành nên cần theo dõi thêm. Chi phí vốn cao trong khi áp lực đáo hạn dồn vào tháng 12 khiến rủi ro tái cấp vốn của nhóm bất động sản vẫn đáng chú ý.





Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN: MUA LẠI TẬP TRUNG Ở NGÂN HÀNG, ĐÁO HẠN BĐS DỒN VÀO THÁNG 12

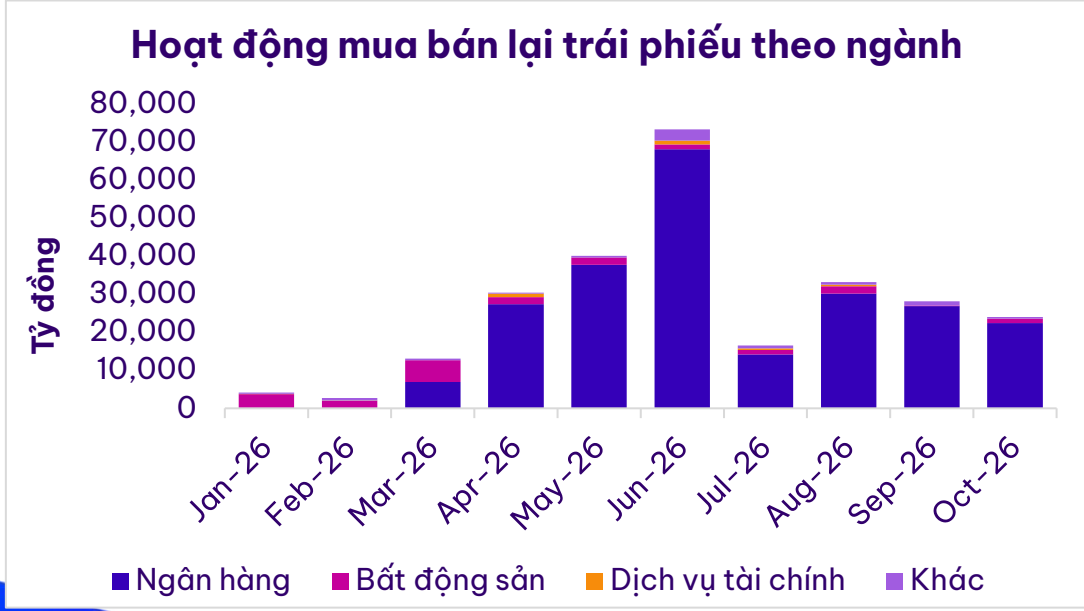
Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

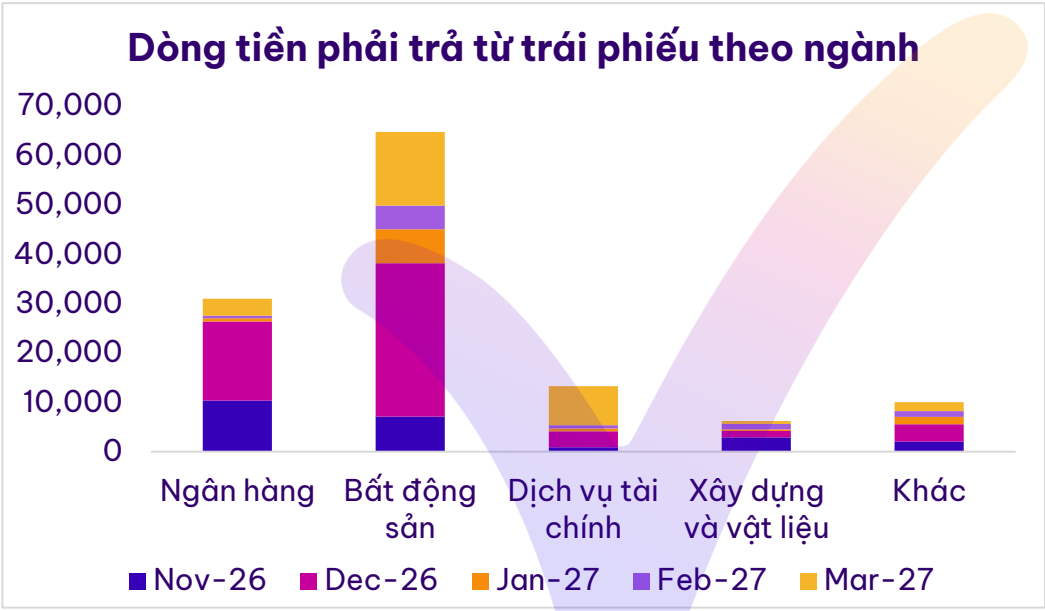
❖ **Mua lại trước hạn tháng 10:** ngân hàng 22.423 tỷ đồng, bất động sản 1.132 tỷ đồng, nhóm khác 435 tỷ đồng, dịch vụ tài chính không phát sinh; lũy kế 10 tháng 265.325 tỷ đồng.

❖ **Dòng tiền phải trả (số liệu tổng hợp thủ công):** tháng 11 khoảng 23.371 tỷ đồng, tháng 12 tăng lên 55.081 tỷ đồng, trong đó bất động sản khoảng 31.064 tỷ đồng. Riêng bất động sản đạt đỉnh ở tháng 12 trong giai đoạn từ tháng 11/2026 đến tháng 3/2027.

➢ VIS Rating ước tính khoảng 235.000 tỷ đồng TPDN đáo hạn trong 12 tháng tới, có nhiều doanh nghiệp bất động sản lớn như VinGroup, Vinhomes; tỷ lệ chậm trả phát sinh mới trong 12 tháng gần nhất là 0,2%.

>> Tháng 12 là thời điểm áp lực thanh toán cao nhất của nhóm bất động sản; khả năng đáp ứng phụ thuộc vào đảo nợ qua phát hành mới và dòng tiền bán hàng cuối năm. Tỷ lệ chậm trả mới hiện thấp, song cần theo dõi sát các doanh nghiệp có tỷ trọng đáo hạn lớn.





Nguồn: FiinX, VIS Rating, VikkiBankS Research

TPDN: KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH ĐÃ CÔNG BỐ ĐẾN HẾT NĂM 2026

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

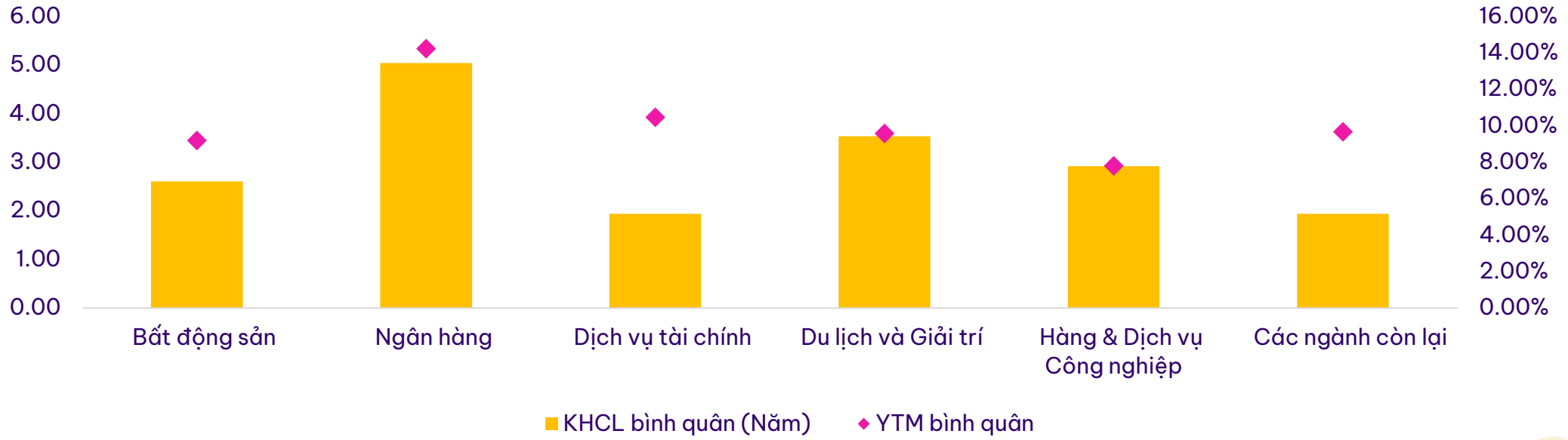
Thời gian	Mã TP	TCPH	GTPH (tỷ đồng)	Kỳ hạn (Năm)
30/11/2026	CTG_TPRL_2026	VietinBank	7.000	6,0
31/12/2026	CTG2634T2/03	VietinBank	2.000	8,0
31/12/2026	TCXPO2628004	Chứng khoán TCBS	1.500	2,0
31/12/2026	VPB_TPRL_2026_1	VPBank	30.000	5,0
31/12/2026	SHB7Y202602	SHB	3.000	7,0
31/12/2026	MBB_PPCBond_2026	MBBank	10.000	5,0
31/12/2026	VCB_TPDN_2026	Vietcombank	10.000	4,0
31/12/2026	HDB_TPRL_2026_1	HDBank	15.000	
31/12/2026	HDB_TPRL_2026_2	HDBank	15.000	
31/12/2026	BID_TPRL_2026	BIDV	20.000	5,0
31/12/2026	VBB_TPRL_2026_2000	VietBank	2.000	1,0
31/12/2026	VHM_TPRL_2026_38M	Vinhomes	6.000	3,0
31/12/2026	VBB_TPRL_2026_2_900	VietBank	900	7,0
31/12/2026	SHS_TPRL_2026_1Y_200	Chứng khoán SG - HN	200	1,0
31/12/2026	VIB_BOND_2026_30000	VIBBank	30.000	
31/12/2026	BID_TPDN_RL_20000	BIDV	20.000	5,0
31/12/2026	VSC_TPRL_2026_500	VICONSHIP	500	3,0
31/12/2026	VIB_TPDN_2026_4000	VIBBank	4.000	
31/12/2026	MBB_TPRL_2026_6000	MBBank	6.000	5,0
31/12/2026	EVF_TPRL_TPQT_2026	Tài chính Tổng hợp Điện lực		3,0
31/12/2026	SHS_TPRL_2026_1Y_400	Chứng khoán SG - HN	400	1,0
31/12/2026	BID_TPRL_2026_8000	BIDV	8.000	5,0
31/12/2026	ACB_TPRL_2026_17950	ACB	17.950	1,0
31/12/2026	EVF_TPRL_2026_1000	Tài chính Tổng hợp Điện lực	1.000	1,0

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN THỨ CẤP: LỢI SUẤT VÀ KỲ HẠN CÒN LẠI THEO NGÀNH

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

Tương quan lãi suất thị trường thứ cấp và kỳ hạn còn lại



- **Quy mô giao dịch:** tổng giá trị giao dịch thứ cấp các nhóm ngành khoảng 193.270 tỷ đồng, trong đó bất động sản 107.290 tỷ đồng (55,5%; 98% là trái phiếu riêng lẻ), ngân hàng 46.846 tỷ đồng (24,2%), du lịch và giải trí 18.311 tỷ đồng (9,5%).
- **YTM:** các ngành (trừ ngân hàng) dao động 7,80–10,46%: cao nhất là dịch vụ tài chính (10,46%, kỳ hạn còn lại 1,9 năm), thấp nhất là hàng và dịch vụ công nghiệp (7,80%, 2,9 năm); bất động sản 9,19% (2,6 năm)
  - Ngân hàng: 14,22% bị kéo lệch bởi nhóm kỳ hạn còn lại 1–3 năm (8.745 tỷ đồng, YTM 32,46%), khả năng do một mã giao dịch lớn có giá bất thường; các nhóm kỳ hạn từ 3 năm trở lên chỉ khoảng 8,2–8,6%.

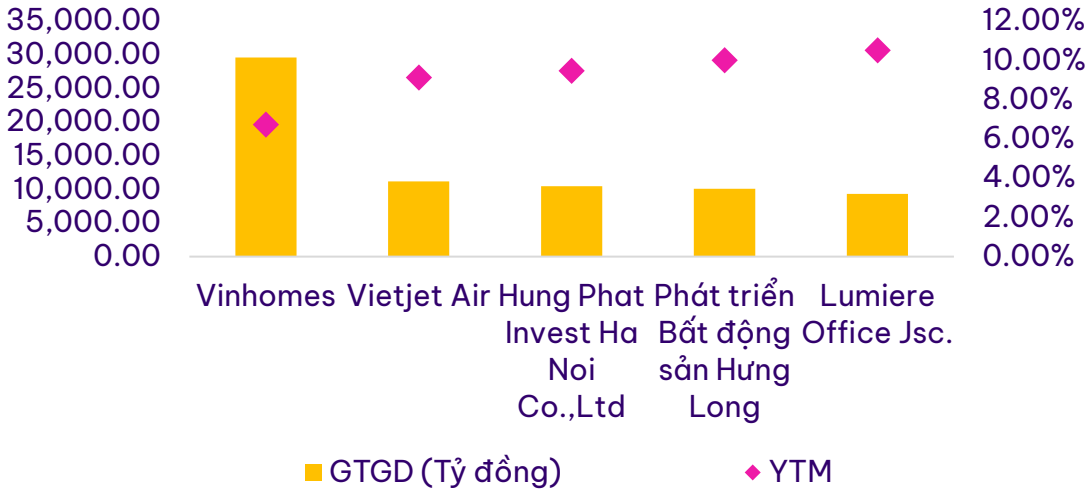
>> Thanh khoản thứ cấp dồn vào trái phiếu bất động sản có kỳ hạn còn lại ngắn (dưới 3 năm chiếm khoảng 73% giá trị giao dịch ngành). YTM thứ cấp của bất động sản (9,19%) thấp hơn lãi suất phát hành tháng 10 (11,00%), do kỳ hạn còn lại ngắn.

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

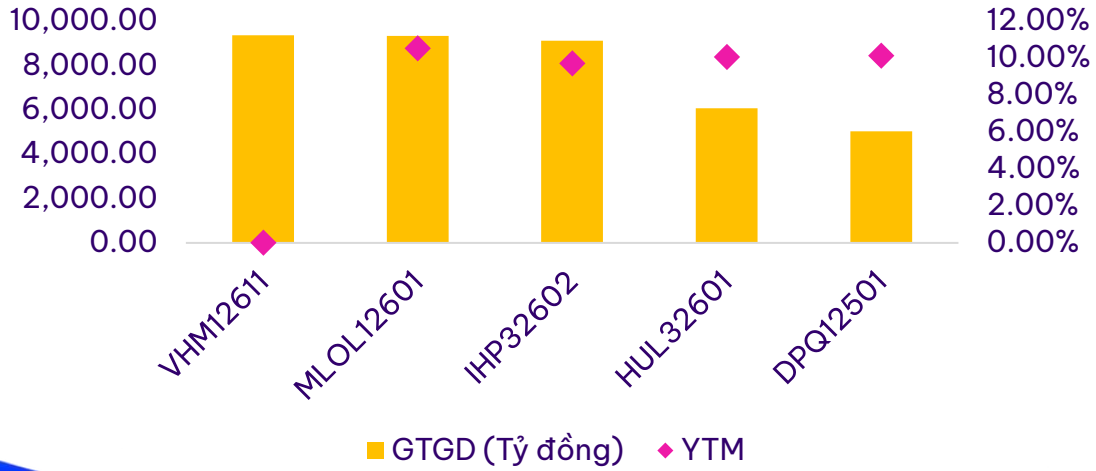
TPDN THỨ CẤP: THANH KHOẢN TẬP TRUNG Ở CÁC TỔ CHỨC LỚN

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

Top 5 TCPH có trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Top 5 mã trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



- **Top 5 tổ chức phát hành giao dịch nhiều nhất:** gộp lại chiếm 70.704 tỷ đồng (36,6% giá trị giao dịch thứ cấp). Vinhomes dẫn đầu với 29.616 tỷ đồng (15,3%), gấp khoảng 2,6 lần tổ chức đứng thứ hai (Vietjet Air, 11.216 tỷ đồng); bốn trong năm tổ chức là doanh nghiệp bất động sản (Vinhomes, Hưng Phát, Hưng Long, Lumiere Office).

- **Top 5 mã giao dịch nhiều nhất:** chiếm 38.895 tỷ đồng (20,1%), dẫn đầu là VHM12611 của Vinhomes (9.353 tỷ đồng); YTM các mã có dữ liệu trong khoảng 9,70–10,52%.

>> Thanh khoản thứ cấp tập trung vào một số tổ chức phát hành lớn, chủ yếu là doanh nghiệp bất động sản, trong đó Vinhomes chiếm khoảng 15% giá trị giao dịch. Năm tổ chức đứng đầu chiếm khoảng 37%; YTM các mã giao dịch nhiều nhất khá đồng đều quanh mức 10%.

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN THỨ CẤP: TOP THANH KHOẢN THEO MÃ TRÁI PHIẾU T10-2026

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

STT	Mã TP	GTGD (Tỷ đồng)	Kỳ hạn còn lại (tháng)	YTM(%)	YTM	Giá sạch (VND)	Giá bẩn (VND)	Giá bẩn BQ (VND)	Giá sạch BQ (VND)
1	VHM12611	9.353	19,77			100.607.914	101.758.599	100.635.263	100.023.799
2	MLOL12601	9.328	46,67	-0,00%	10,52%	100.000.000	101.393.973	101.284.928	100.000.000
3	IHP32602	9.113	7,73	-0,04%	9,70%	100.000.000	103.150.685	103.064.181	100.000.000
4	HUL32601	6.073	7,73	-0,06%	10,06%	99.183.580	102.526.045	102.701.407	99.765.759
5	DPQ12501	5.028	44,17	-0,43%	10,13%	102.370.149	106.103.026	104.794.166	101.301.191
6	VHM12503	4.262	26,03	-0,08%	13,95%	103.959.997	105.212.599	100.604.478	100.208.987
7	TSL12101	4.254	37,07	0,07%	9,42%	1.017.556	1.056.400	1.056.400	1.018.673
8	HULL12603	4.013	34,50	0,00%	9,93%	100.000.000	100.794.521	100.794.521	100.000.000
9	ACB12602	3.499	19,23	4,08%	69,85%	478.283.480	510.801.288	514.634.723	484.427.581
10	MAR12601	3.391	113,93	0,00%	8,31%	102.498.405	102.757.309	102.757.309	102.498.405
11	VCBL12610	3.200	46,13	2,06%	8,40%	935.968.194	950.214.769	1.000.321.690	988.879.388
12	P5332601	3.144	7,73	-0,94%	7,52%	99.190.131	102.532.597	102.631.675	99.670.667
13	MAD12602	2.973	23,77	-3,64%	9,03%	105.266.024	105.467.394	105.225.905	102.650.906
14	VIB12505	2.921	84,20	-0,46%	8,46%	999.240.243	1.003.842.983	1.006.217.462	1.003.429.122
15	VDI12101	2.711	26,07	-0,64%	-15,28%	174.644.926	175.638.077	175.312.115	174.712.067
16	NTJ12601	2.389	41,23	0,49%	8,76%	103.707.908	104.513.387	105.338.062	105.176.300
17	VHML12618	2.327	22,80	0,49%	11,45%	100.325.373	101.508.934	101.570.806	100.404.277
18	HDB125011	2.265	65,37	-0,43%	8,57%	98.992	103.710	103.710	99.120
19	NEW12403	2.182	37,83	-0,64%	2,30%	116.628.364	119.145.734	117.973.807	115.543.480
20	VHM12610	2.182	31,77			100.425.649	101.761.265	100.868.809	100.104.160

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

TPDN THỨ CẤP: TOP THANH KHOẢN THEO TỔ CHỨC PHÁT HÀNH T10-2026

Vikki Digital Bank Securities

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

STT	Tổ chức phát hành	Mã	GTGD (Tỷ đồng)	Kỳ hạn còn lại (tháng)	YTM(%)	YTM	Giá sạch bình quân (VND)	Giá bẩn bình quân (VND)
1	Vinhomes	VHM	29.616	28,10	11,18%	6,74%	100.073.809	100.929.818
2	Vietjet Air	VJC	11.216	37,21	-1,55%	9,14%	102.909.678	105.830.346
3	Hung Phat Invest Ha Noi Co.,Ltd	0107662609	10.458	7,73	12,93%	9,47%	100.041.400	102.730.318
4	Phát triển Bất động sản Hưng Long	0110716082	10.086	34,43	-0,06%	10,01%	99.858.957	101.942.710
5	Lumiere Office Jsc.	0316754564	9.328	46,67	0,00%	10,52%	100.000.000	101.284.928
6	HDBank	HDB	8.923	72,42	-0,45%	8,36%	268.365.221	279.560.626
7	VIBBank	VIB	7.936	54,22	-0,39%	8,30%	999.956.036	1.027.031.485
8	ĐT và PT Du lịch Phú Quốc	1701971178	5.114	43,96	0,04%	10,12%	99.581.501	103.015.136
9	ACB	ACB	5.092	22,24	65,24%	50,38%	644.193.293	665.163.464
10	Thái Sơn - Long An	1100936235	5.054	37,11	0,00%	9,42%	1.019.292	1.057.948
11	VinGroup	VIC	3.565	13,55	5,27%	11,35%	100.627.148	101.358.956
12	May - Diêm Sài Gòn	SGGAR	3.472	72,61	0,23%	6,60%	94.852.136	104.741.062
13	Vietcombank	VCB	3.414	39,99	3,62%	8,33%	987.798.221	1.001.576.675
14	Đầu tư Marina Center	0317086510	3.391	113,93	0,00%	8,31%	102.498.405	102.757.309
15	Parkland 53	0313502921	3.144	7,73	-0,94%	7,52%	99.670.667	102.631.675
16	ĐT & PT BĐS Minh An	0110716251	2.973	23,77	-3,64%	9,03%	102.650.906	105.225.905
17	MBBank	MBB	2.906	70,18	-0,04%	8,06%	92.284.631	93.467.621
18	TMại và Đầu tư Việt Đức	0108596412	2.711	26,07	-0,64%	-15,28%	174.712.067	175.312.115
19	Tập đoàn R&H	0108859076	2.587	1,41	-6,73%	20,72%	98.687	99.765
20	New Times., Jsc	0102479462	2.439	23,69	2,04%	8,73%	105.196.440	105.444.691

Nguồn: FiinX, VikkiBankS Research

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THÁNG 10-2026

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác của thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.